TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA
TỈNH TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2023
"Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tâm;

2. Triệu Thị Tình.

***- Thư ký phiên toà**:* Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh TN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh TN tham gia phiên tòa**:* Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh TN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm: 1989

Nơi ĐKHKTT: Xóm TH, xã TD, huyện Định Hóa, tỉnh TN.

Nơi ở hiện nay: Xóm B 2, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh TN.

(Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Xóm TH, xã TD, huyện Định Hóa, tỉnh TN.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị T trình bày:

Chị và Phạm Văn P kết hôn vào ngày 07/9/2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện Định Hóa, tỉnh TN. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh P làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà chồng, vợ chồng không ra ăn ở riêng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có thời gian dài hòa thuận hạnh P, đến năm 2017 bắt đầu sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong ăn ở sinh hoạt, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không hiểu nhau, quan điểm sống không phù hợp, anh P mải chơi, không chịu làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè, anh P còn sử dụng ma túy, chị và gia đình can ngăn, khuyên bảo, chị đã cho anh P nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh P không thay đổi, trong gia đình có tài sản gì anh P đều bán lấy tiền tiêu sài và sử dụng ma túy, kinh tế gia đình vô cùng khó khăn, năm 2020 anh P vào thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục sử dụng ma túy và đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, anh P phải đi chấp hành án một năm, tháng 02/2022 hết thời gian chấp hành án trở về địa phương nhưng anh P vẫn quen nếp sống như cũ, chơi bời, sử dụng ma túy. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay, hiện nay chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh P không đến Tòa án để giải quyết vụ án là gây khó khăn cho chị còn thực tế cũng không còn tình cảm gì với chị. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin ly hôn anh P.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Y, sinh ngày 20/3/2010 và Phạm Thị Y N, sinh ngày 19/4/2016, hiện ở cùng bố và bà nội. Ly hôn chị xin được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Phạm Thị Y, sinh ngày 20/3/2010 và Phạm Thị Y N, sinh ngày 19/4/2016 cho đến khi con trưởng (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được và không yêu cầu anh P phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Phạm Văn P:*

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay anh Phạm Văn P vắng mặt nhiều lần không có lý do. Qua làm việc với bà Lê Thị Bắc là mẹ đẻ anh

P cho biết như sau: Gia đình có tổ chức lễ cưới cho anh P, chị T vào ngày 07/9/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT. Về mâu thuẫn vợ chồng theo bà biết là do trong ăn, ở sinh hoạt, cách sống hai vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng, anh P mải chơi không chịu làm ăn, gia đình hai bên cũng khuyên bảo nhưng không có kết quả gì, anh P đã vi phạm pháp luật và đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh kết án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tháng 02/2022 anh P được trở về nhà nhưng vẫn không thay đổi bản thân, hiện nay anh P ở cùng nhà với bà. Vợ chồng P, T đã sống ly thân nhiều năm. Nay chị T xin ly hôn anh P, gia đình cũng như bà không có ý kiến gì, tùy Tòa án xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng T, P có hai con chung là Phạm Thị Y, sinh ngày 20/3/2010 và Phạm Thị Y N, sinh ngày 19/4/2016, hiện nay ở cùng bố và bà nội. Ly hôn chị T xin được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo giáo dục cả hai con chung là Phạm Thị Y, sinh ngày 20/3/2010 và Phạm Thị Y N, sinh ngày 19/4/2016 cho đến khi con trưởng (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được và không yêu cầu anh P phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, bà không có ý kiến gì, tùy theo nguyện vọng của cháu Y, N muốn ở với mẹ hoặc ở với bố, tùy Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị T xác định không có, ly hôn tùy Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị T xác định không có, ly hôn tùy Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị T xác định không có, ly hôn tùy Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa xác định:

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Phạm Văn P từ khi bị khởi kiện về việc ly hôn đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp, cận công khai

chứng cứ và hòa giải của Tòa án hợp lệ nhưng đều vắng không có lý do. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Định Hóa xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh P; Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Y, sinh ngày 20/3/2010 và Phạm Thị Y N, sinh ngày 19/4/2016 cho chị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh P do chị T không yêu cầu; Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được do anh Ngói không đến Tòa làm việc. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại xóm TH, xã TD, huyện Định Hóa, tỉnh TN. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh TN theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Phạm Văn P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập phiên tòa nhưng anh P không đến Tòa án làm việc, vắng mặt tại phiên tòa nhiều lần không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Phạm Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, như vậy hôn nhân giữa chị T, anh P là hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T nhận thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian dài hạnh P, tuy nhiên trong ăn ở sinh hoạt hàng ngày giữa chị T, anh P luôn xẩy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cách ăn ở, sinh hoạt, mỗi người đều đưa ra lý do cho riêng mình. Chị T cho rằng do anh P sử dụng ma túy, không chịu làm ăn, chị góp ý nhưng anh P không sửa đổi, sau khi đi chấp hành án xong được về vẫn như vậy không có thay đổi gì. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Anh P vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện chị T xin ly hôn anh, chứng tỏ anh P không còn quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng với chị T nữa, đồng thời xem như anh đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Như vậy là ai cũng tìm công việc, cuộc sống riêng cho mình, ai cũng có lý do riêng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, đúng thực tế. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, đã để vợ chồng có nhiều thời gian chia sẻ, cảm thông, tha thứ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tại phiên tòa ngày hôm nay, chị T không rút đơn xin ly hôn mà cương quyết xin được ly hôn anh P. Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của chị T cần được chấp nhận.

[4]. Về yêu cầu xin nuôi con chung của chị Thỏa xét thấy: Chị T, anh P có hai con chung là Phạm Thị Y, sinh ngày 20/3/2010 và Phạm Thị Y N, sinh ngày 19/4/2016, cháu Yên, cháu N đều đã đủ tuổi theo quy định để thể hiện ý kiến ở với ai khi bố mẹ ly hôn và các cháu đều có có nguyện vọng ở với chị T, chị T cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét yêu cầu xin được quyền nuôi con chung của chị T, nhận thấy chị T có nơi ở, có việc làm, có thu nhập ổn định, anh P không đến Tòa án để làm việc. Vì vậy, để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung được tốt nhất, đảm bảo quyền, lợi ích mọi mặt của con chung việc giao cháu Yên, cháu N cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với đúng thực tế, cần được chấp nhận.

[5]. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án đã giải thích đây là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nhưng chị T tự nguyện không yêu cầu anh P phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Nông Thị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nông Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T được ly hôn anh Phạm Văn P

2. Về con chung: Giao cho chị Nông Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Thị Y, sinh ngày 20/3/2010 và Phạm Thị Y N, sinh ngày 19/4/2016 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được, anh P có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Phạm Văn P do chị Nông Thị T tự nguyện không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Nông Thị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004676 ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng